

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2017/HS-ST
Ngày: 25-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ HẠNG**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **TRẦN HUY LIÊN**

Bà **NGUYỄN THỊ XUÂN TÂM**

- Thư ký phiên tòa: Ông **ĐÀO MINH TUẤN** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ TRANG** - Kiểm sát viên

Ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 250/HSST ngày 28/8/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2017/QĐXXST-HS ngày 08/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/QĐ-HS ngày 15/9/2017, đối với bị cáo:

LÊ QUANG N (Bin), sinh năm 1988, tại Khánh Hòa. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: 51/14 đường VD (sau ga), phường PT, TP. Z. Nghề nghiệp: đầu bếp. Trình độ văn hóa: 06/12. Con ông: (*không rõ tên cha*); bà Lê Nguyễn Anh N (sinh năm 1965). Vợ Huỳnh Thị Tr (sinh năm 1990); có ba con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền sự, tiền án: không. Nhân thân: Bản án số 149/HSST ngày 12/8/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. (*Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/8/2008 và án phí ngày 06/2/2009*). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/3/2017. Ngày 30/3/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Bạch M – Văn phòng luật sư Phan Bạch M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Phạm Nhật P (*Bôn*), sinh năm 1990

Trú tại: 12/8 K, phường PT, thành phố Z. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Xuân Q

Trú tại: thôn PV, xã VT, TP. Z.

2. Anh Nguyễn Vĩnh Kh

Trú tại: 27 đường LĐH, phường TL, TP. Z.

3. Chị Trần Thanh V

Trú tại: 31/2B đường BT, TL, TP. Z.

4. Anh Nguyễn Quốc H

Trú tại: 9A đường TKD, phường PT, TP.Z.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn từ trước, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 04/8/2014, Lê Quang N (Bin) cùng với bạn là Nh, V và 06 (sáu) người bạn của V (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đến vũ trường Havana – đường TP, phường LT, TP. Z uống bia ngồi tại ghế salon trên bục cao. Một lúc sau, Phạm Nhật P cùng với bạn Trần Xuân Q, Nguyễn Vĩnh Kh và Trần Thanh V đi vào vũ trường. Khi P đi đến ngang chỗ N ngồi thì N nhảy xuống rượt đuổi đánh P. Trong lúc rượt đuổi, N chụp ly thủy tinh trên bàn đuổi P đến chỗ cửa giữa ra vào thì P trượt chân té xuống nền. N cầm cổ áo P giật lên và dùng ly thủy tinh đánh mạnh một cái vào đỉnh đầu P làm chảy máu. Sau đó, N dùng tay tát hai cái vào mặt và nói “*Tao nè, mày kiếm tao bây giờ có tao mày không làm gì đi*” P van xin nói “*Mày tha cho tao*”. Lúc này, N thấy đầu P chảy máu nhiều nên thả ra không đánh nữa và bỏ đi đến chỗ bàn nhậu tính tiền đi về, còn P được đưa đi cấp cứu. Ngày 05/8/2014, Phạm Nhật P có đơn yêu cầu khởi tố.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 72/14/TgT của Viện pháp y quốc gia thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/11/2014 kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%. Ngày 04/8/2017 Viện pháp y quốc gia thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y về thương tích (*bổ sung*) số 85BS/17/TgT: Vết thương vùng đỉnh phải gây dập phần mềm, rách da, lúc sọ vùng đỉnh phải do vật tày cứng, có diện giới hạn tác động với một lực mạnh gây ra.

Ngày 01/01/2015, cơ quan cảnh sát điều tra công an TP. Z ra Quyết định truy nã đối với Lê Quang N. Ngày 27/3/2017, Lê Quang Nhật ra đầu thú.

Cáo trạng số 123/KSĐT-XXSTHS ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z truy tố Lê Quang N (Bin) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 (*viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104*) Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang N đã khai nhận: Trước đây, giữa Phạm Nhật P (Bôn) và vợ bị cáo là Huỳnh Thị Tr quen nhau và có với nhau một con chung. Trong thời gian P đi thi hành án phạt tù thì bị cáo và Tr lại cưới nhau và nuôi con của P. Sau khi ra tù, P không biết chuyện mà lại nhiều lần gọi điện thoại, dùng lời lẽ xúc phạm, chửi bới vợ bị cáo, làm cuộc sống gia đình bị cáo mâu thuẫn. Ngoài ra, P còn nhắn tin, gọi điện thách thức đánh bị cáo. Do đó, vào

lúc 23 giờ 30 phút ngày 04/8/2014 khi đang ngồi trên bục cao uống rượu với Nh, V và các người bạn của V tại vũ trường Havana phường LT, TP. Z bị cáo thấy P cũng đi vào vũ trường với một số người bạn. Khi P đi ngang qua chỗ bị cáo ngồi, bị cáo nhảy xuống rượt đuổi P. Khi đến giữa cửa ra vào P trượt chân té xuống nền bị cáo cầm cổ áo P giật lên dùng tay tát vào mặt và chụp ly thủy tinh trên bàn đánh một cái vào đỉnh đầu P. Thấy đầu P chảy máu nhiều nên bị cáo thả ra không đánh nữa và bỏ đi đến chỗ bàn nhậu tính tiền đi về, còn Pháp được mọi người đưa đi cấp cứu. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã gặp P bồi thường chi phí điều trị vết thương và được P viết đơn bãi nại. Nghĩ việc không có gì nên bị cáo đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh làm phụ bếp kiếm sống. Đến ngày 27/3/2017, khi về chịu tang bà ngoại bị cáo mới biết mình đang bị truy nã nên đã đến Đội cảnh sát điều tra công an thành phố Z để đầu thú.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của bị cáo Lê Quang N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; Đồng thời cũng phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, bản kết luận giám định tỷ lệ thương tật và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104 (*viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS*); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Xử phạt bị cáo Lê Quang N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Luật sư Phan Bạch M bào chữa cho bị cáo Lê Quang N: nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z truy tố bị cáo Lê Quang N về tội cố ý gây thương tích. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104 (*viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS*); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo N được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 04/8/2014, tại vũ trường Havana – đường TP, phường LT, TP. Z bị cáo Lê Quang N đã dùng tay tát hai cái vào mặt và dùng ly thủy tinh (*là hung khí nguy hiểm được quy định tại tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình*) làm công cụ tấn công, gây thương tích cho Phạm Nhật P. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích của Viện pháp y quốc gia thành phố Hồ Chí Minh: Vết thương vùng đỉnh phải gây dập phần mềm, rách da, lún sọ vùng đỉnh phải, do vật tày cứng, có diện giới hạn tác động với một lực mạnh gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%. Do đó. Bị cáo đã phạm tội “Cố ý

gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 (*viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104*) Bộ luật hình sự.

[2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Do mâu thuẫn tình cảm trong cuộc sống mà người bị hại đã dùng lời lẽ xúc phạm, thách thức dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Nên sự việc xảy ra có một phần do lỗi của người bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được người bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

[3] Tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt đối với tội “*Cố ý gây thương tích*” là từ 2 năm đến 6 năm tù, nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và công văn số 327/TANDTC-PC, ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc: “Viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 trong bản án”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội để xử phạt bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Nhưng trong vụ án này, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có một phần do lỗi của người bị hại; Mặc dù, bị cáo đã từng bị kết án về tội “*Cướp tài sản*” với mức hình phạt 04 năm tù nhưng đã được xóa án tích và thời gian xóa án tích đến ngày phạm tội lần này đã quá hai năm (*theo quy định tại điểm b1, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*). Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận là ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; Hiện tại bị cáo có việc làm ổn định; là lao động chính trong gia đình, nuôi 04 (bốn) con nhỏ; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Quang N có đầy đủ điều kiện được quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo,

không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cố gắng sửa đổi thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối tượng V, N (*không rõ lai lịch, địa chỉ*). Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z đang tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Đối với Nguyễn Quốc H (*Ba trợn*) không tham gia cùng bị cáo N gây thương tích cho Phạm Nhật P nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, người bị hại Phạm Nhật P vắng mặt nhưng đã nhận tiền bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo (BL 136, 137) nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Quang N (Bin)** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang N **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Quang N cho Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố Z giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại vắng mặt (đã nhận tiền bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo tại bút lục số 136, 137) nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

3. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an TP. Nha Trang;
- Thi hành án dân sự Nha Trang;
- Lưu: Ấn văn + Hồ sơ vụ án.

LÊ THỊ HẠNG